TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁ THƯỚC
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨ VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:25/2019/HSST
Ngày 28 tháng 11 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC – TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Quyên.
Các Hội thẩm nhân dân :

1. Bà Phạm Thị Yến
2. Ông Nguyễn Văn Đàn

Th- ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Hải Vân, Th- ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Bá Th- ớc, tỉnh Thanh Hoá.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Th- ớc tham gia phiên toà:
Bà Hà Phương Lan: Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bá Th- ớc, tỉnh Thanh Hóa; Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 29/2019/HSST ngày 12/11/2019 và theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2019.

Đối với các bị cáo:

1.Bị cáo ***Trương Văn D*** ; Sinh năm 1970; Giới tính: Nam (có mặt).
Nơi c- trú: Thôn S , xã LN, huyện BT, tỉnh TH
Nghề nghiệp: Làm Ruộng; Trình độ văn hoá: 07/12.
Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.
Giấy chứng minh nhân dân số: 173499305 cấp ngày 13/7/2009
Nơi cấp: Công an tỉnh Thanh Hóa.
Con ông: Trương Bình T (đã chết) và bà Bùi Thị Q sinh năm 1948
Gia đình có 10 anh em bị cáo là con thứ năm;
Có vợ là Cao Thị N sinh năm 1969
Nơi c- trú: Thôn S , xã L N , huyện B T c, tỉnh T H .
Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1990 con nhỏ sinh năm 1992.
Bị cáo bị tạm giữ hình sự 09 ngày từ ngày 26/7/2019 đến ngày 04/8/2019. Hiện nay bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ 04 /8/2019 đến nay.
Tiền án: Không
Tiền sự: Không

2.Bị cáo ***Trương Văn S*** ; Sinh năm 1977; Giới tính : Nam (có mặt).
Nơi c- trú: Thôn S , xã L N , huyện B T , tỉnh T H .

Nghề nghiệp: Làm Ruộng; Trình độ văn hoá: 04/12.
Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.
Giấy chứng minh nhân dân số: 173498383 cấp ngày 14/2/2009
Nơi cấp: Công an tỉnh Thanh Hóa.
Con ông: Trương Bình T (đã chết) và bà Bùi Thị Q sinh năm 1948
Gia đình có 10 anh em bị cáo là con thứ tám;
Có vợ là Bùi Thị H sinh năm 1979
Nơi c- trú: Thôn S , xã L N , huyện B T , tỉnh T H
Bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 1997 con nhỏ sinh năm 2005
Bị cáo bị tạm giữ hình sự 09 ngày từ ngày 26/7/2019 đến ngày 04/8/2019. Hiện nay bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ 04 /8/2019 đén nay
Tiền án: Không
Tiền sự: Không
Người bị hại: Anh Trương Công S ; Sinh năm 1987 (có mặt).
Nơi c- trú: Thôn S , xã L N , huyện B T , tỉnh T
Người làm chứng : Chị Bùi Thị H ; Sinh năm 1977(vắng mặt)
Nơi c- trú: Thôn S , xã LN, huyện BT, tỉnh TH.
Chị Quách Thị T ; Sinh năm 1987(vắng mặt)
Nơi c- trú: Thôn S , xã L N , huyện B T , tỉnh T .
Anh Hoàng Văn B ; Sinh năm 1966 (có mặt)
Nơi c- trú: Thôn CM, xã HT, huyện BT, tỉnh TH.
Anh Hoàng Văn T ; Sinh năm 1991(vắng mặt)
Nơi c- trú: Thôn CM, xã HT, huyện BT, tỉnh TH.
Anh Trương Văn C ; Sinh năm 1980(có mặt)
Nơi c- trú: Thôn CM, xã HT, huyện BT, tỉnh TH. .
Anh Trương Văn D ; Sinh năm 1985(có mặt)
Nơi c- trú: Thôn Thôn CM, xã HT, huyện BT, tỉnh TH.
Anh Bùi Minh Q ; Sinh năm 1964 (vắng mặt)
Nơi c- trú: Thôn S , xã LN, huyện BT, tỉnh TH.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hệ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau;

Sáng ngày 26/7/2019 Trương công S điều khiển xe ô tô tải BKS36C-067.71 đi chở cọc luồng thuê và có thuê anh B , anh T , anh D và anh C đi bốc dỡ. Khoảng 8 giờ sáng khi mọi người đang bốc luồng lên xe ô tôt tải của S thì bị cáo Trương Văn D đến gặp S và nói " *đường này là của chú làm nên phải đóng tiền mới được đi"* S mới trả lời " M kia rồi cháu đưa" nghe S nói vậy thì D bỏ đi. Khi bị cáo D đi đến dốc đồi B thuộc thôn S thì thấy cuộc gọi nhỡ của S nên bị cáo D gọi lại S nói "Lúc trước nói lằng nhằng tiền đường sá gì đấy, ông muốn gì. Ông muốn ăn đạn à?". D nói lại " mày tuổi con cháu đừng có láo" và D tắt máy.

D gọi điện cho em trai là Trương Văn S nói " chú cho thằng S đi hay là như thế nào" thì bị cáo S nói " tôi chưa gặp nó, tý xuống xem thế nào?" D nói "thằng S nó cãi láo anh". Nghe D nói vậy S g đi xe máy xuống gặp S đi được một đoạn thì S gặp D đang đi ngược chiều nền D quay xe lại cùng S đến gặp S đang bốc luồng ở chân dốc Sát. S dựng xe máy bên hông phải ô tô tải của S còn D dựng xe máy phía trước đầu xe tải.

Khi gặp S Sứng nói " Mày cãi nhau với anh D cái gì, mày thích gì, láo với tao là tao thịt đấy" S trả lời " cháu có nói láo gì đâu". Lúc này D đi lại gần S và nói " Tao xuống đây rồi mày bắn đi" và D nói tiếp "*tao dựng xe máy ở đây thằng nào giỏi thì đạp xe của tao mà đi không thì mở lốp ra mà khênh, hoặc đi đường nào thì đi"* Sau đó bị cáo S nói " mi nói kiểu chi, láo với tao là tao thịt đấy, bay chẳng là cái gì".

S bị các bị cáo đe dọa nên S sợ và nói " thế cháu phải đóng bao nhiêu tiền ?" . S và D thống nhất nói cả hai đoạn đường là 1.000.000đ, thì Sơn đã lấy 1.000.000đ (một triệu đồng) đưa cho S cầm để tu sửa đường.

Quá kết quả xác minh tại UBND xã L N và thôn S thì tuyến đường dân sinh từ thôn Són lên dốc Sát và đồi Bến có nguồn gốc từ trước, chính quyền địa phương không giao cho tổ chức, cá nhân nào quản lý, tu sửa.

Quá trình lấy lời khai bị cáo D có nói là điện hỏi Bùi Minh Q hỏi thu bao nhiêu tiền, Bùi Minh Q bảo bị cáo D thu 500.000đ. Nhưng tại biên bản lấy lời khai của Bùi Minh Q và biên bản đối chất giữa bị cáo D và anh Bùi Minh Q thì anh Q không công nhận việc anh bảo bị cáo D thu 500.000đ.

Vật chứng: là 01 điện thoại SAMSUNG GALAXY J12 PRIME màu xám- bạc số imei(khe1)354072098285712 và số imei (khe 2) 354073098285710 gắn theo 02 sim số sim 1: 0974558742, số sim 20836337865 đã qua sử dụng

Số tiền 1.000.000đ. Toàn bộ vật chứng đang lưu giữ tại Chi cục thi hành dân sự huyện Bá Thước.

Trách nhiệm dân sự : Anh Trương Công S không yêu cầu nhưng các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho anh S 2.000.000đ.

Tại cáo trạng số: 26/CT-VKSBT-KT ngày 11/11/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước đã truy tố các bị cáo Trương Văn D và Trương Văn S về tội " cưỡng đạt tài sản" sản theo quy định tại khoản 1 Điều 170 BLHS.

Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 170 BLHS tuyên bố các bị cáo Trương Văn D và Trương Văn S phạm tội "cưỡng đoạt tài sản". Đề nghị cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo bị cáo Dưỡng từ 22 tháng tù đến 24 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 44 đến 48 tháng. Đề nghị xử phạt bị cáo

Sứng từ 20 đến 22 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 40 đến 44 tháng.

Về vật chứng: Đề nghị HĐXX trả lại cho bị cáo Dưỡng 01 điện thoại và trả lại cho người bị hại anh Trương Công S 1.000.000đ.

Người bào chữa cho các bị cáo đồng tình với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát và đề nghị: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 65 BLHS xử phạt các bị cáo từ 09 -12 tháng tù cho hưởng án treo.

Người làm chứng: Trình bày phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau;

[1] . *Về tố tụng*: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện các hành vi tố tụng và ban hành các Quyết định tố tụng đúng, đủ, chính xác về thẩm quyền, trình tự tố tụng theo quy định của BLTTHS năm 2015. Quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2.] *Về tội danh*: Có căn cứ xác định khoảng sáng ngày 26/7/2019 Trương Văn D g và Trương Văn S đã đe dọa Trương Công S và thu của S 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước truy tố các bị cáo Trương Văn D và Trương Văn S về tội " cưỡng đạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 170 BLHS năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Tính chất vụ án:* Đây là vụ án có đồng phạm nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn không có sự bàn bạc cấu kết chặt chẽ, hành vi phạm tội giản đơn, giá trị tài sản cưỡng đoạt không lớn, người bị hại đã được các bị cáo bồi thường và không yêu cầu bồi thường gì, có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[4]. *Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:*

Quá trình điều tra truy tố các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, bị cáo lần đầu phạm tội bị truy tố đưa ra xét xử nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại 2.000.000đ (Hai triệu đồng) nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS.Người bị hại có đơn và tại phiên tòa xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Trách nhiệm dân sự: Tài sản cưỡng đoạt trả lại cho người bị hại.

Xét đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo về việc áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự đề nghị xử dưới khung là chưa đảm bảo được tính nghiêm minh nên không được chấp nhận.

[5] *Hình phạt*: Bản thân các bị cáo đã tỏ ra rất ăn năn hối hận về hành vi vi phạm pháp, luật của mình. Các bị cáo có nhân thân tốt lần đầu phạm tội. Có nơi cư trú rõ ràng. HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội chỉ cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội và cho các bị cáo tự cải tạo tại địa phương cũng đủ cải tạo giáo dục bị cáo thành người tốt.

[6.]*Về vật chứng*: Trả lại cho bị cáo Trương Văn D 01điện thoạiSAMSUNG GALAXY J12 PRIME màu xám- bạc không sử dụng vào việc phạm tội. Trả lại cho người bị hại toàn bộ số tiền bị cưỡng đoạt 1.000.000đ. Toàn bộ vật chứng đang lưu giữ tại Chi cục thi hành dân sự huyện Bá Thước.

[7.] *Về án phí* : Các bị cáo mỗi người phải chịu án phí HSST là 200.000đ .

Vì các lẽ trên ;

QUYẾT ĐỊNH:

1.*Căn cứ* :- Khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 BLHS năm 2015.

Khoản 2 Điều 47 BLHS và điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS

- Khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 quy định vê mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ngày 30/12/2016 và mục 1 phần I Danh mục mức án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị Quyết 326/2016/PL-UBTVQH14

2.Tuyên bố: Các bị cáo Trương Văn D và Trương Văn S phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản"

3. -*Xử phạt* : Bị cáo Trương Văn D 20 (Hai mươi) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 40 (Bốn mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

-*Xử phạt*: Bị cáo Trương Văn S 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Trương Văn D và Trương Văn S cho UBND xã LN huyện BT tỉnh TH giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bà Bùi Thị Q có trách nhiệm phối hợp với UBND xã LH, huyện BT trong việc giám sát giáo dục các bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4.Vật chứng: Trả lại cho bị cáo Trương Văn D 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J2 PRIME màu xám bạc, số imei(khe1)354072098285712 và số imei (khe 2) 354073098285710 gắn theo 02 sim, số sim 1: 0974558742, số sim 2: 0836337865 đã qua sử dụng. Vật chứng đang lưu giữ tại Chi cục thi hành

dân sự huyện Bá Thước theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 08 ngày 12/11/2019.

Trả lại cho người bị hại : Anh Trương Công S số tiền 1.000.000đ. Theo biên lai thu tiền số AA/2010/004929 ngày 12/11/2019.

4. Về án phí: Các bị cáo Trương Văn D , Trương Văn S mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sơ thẩm là 200.000đ.

Án sơ thẩm có mặt bị cáo, người bị hại. Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND cùng cấp;
- THA Dân sự ;
- Phòng giám đốc án ;
- Công an ;
- bị cáo,...;
- Lưu hồ sơ;

TM. H□I □□NG X□T X□
THỘM PH□N - CH□ TO□ PHI□N TOÀ

Trần Thị Quyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hiền **Cao Xuân Bằng** **Trần Thị Quyên**